

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH TRỒNG CÀ RỐT THEO TIÊU CHUẨN XUẤT KHẨU CỦA HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Nguyễn Thị Huyền Trang^{1*}, Ninh Xuân Trung¹, Ngô Thị Thuận²

¹Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Hội Khoa học Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

*Tác giả liên hệ: huyentrang@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 21.03.2023

Ngày chấp nhận đăng: 21.06.2023

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân. Nghiên cứu dựa trên số liệu điều tra 87 hộ trồng cà rốt của huyện Cẩm Giàng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Kết quả nghiên cứu cho thấy các biến thuộc về chủ hộ như tuổi; trình độ học vấn; được tập huấn; hướng dẫn kỹ thuật cũng như tổng diện tích trồng cà rốt của hộ và mong muốn tiêu thụ sản phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định sản xuất cà rốt tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Từ khóa: Cà rốt, xuất khẩu, trồng cà rốt xuất khẩu.

Factors Affecting Farmers' Decision to Produce Carrot Towards Export Standards in Cam Giang District, Hai Duong Province

ABSTRACT

This study aims to determine the factors affecting the decision to produce carrots towards export standards of farmers. This study was based on the survey data of 87 carrot growing households in Cam Giang district to identify the factors affecting the decision on carrot production towards export standards. The research results showed that the affecting factors belonged to household head, namely age, education, training and technical guidances, carrot growing area and the wish of selling their products positively affected the farmers' decision to produce carrot towards export standards in Cam Giang district, Hai Duong province.

Keywords: Carrots, export, growing decision.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hải Dương được xem là “thủ phủ” sản xuất cà rốt của miền Bắc Việt Nam, trong đó Cẩm Giàng là huyện có diện tích sản xuất cà rốt lớn của tỉnh. Vụ đông năm 2021-2022, toàn tỉnh Hải Dương có khoảng 1.500ha trồng cà rốt, trong đó diện tích trồng cà rốt ở huyện Cẩm Giàng đạt hơn 550ha và sản lượng cà rốt thu hoạch hơn 27 nghìn tấn (Sở NN&PTNT Hải Dương, 2022). Cà rốt của huyện Cẩm Giàng trong năm 2022 đã được xuất khẩu sang các thị trường như Hàn Quốc, Malaysia, các nước Trung Đông, Thái Lan, EU,... (Vũ Quỳnh & Vũ

Trang, 2022). Với định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, hướng đến xuất khẩu nên trong những năm qua, tỉnh Hải Dương đã giao cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh kiểm tra, lấy mẫu để đánh giá ở tất cả các vùng chuyên canh của tỉnh. Riêng đối với cây cà rốt thì tỉnh đã tập huấn cho tất cả chủ cơ sở kinh doanh thuộc bảo vệ thực vật, nông dân ở các vùng chuyên canh trong tỉnh quy trình trồng và chăm sóc cà rốt, hướng dẫn người dân sản xuất cà rốt theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, nhờ vậy chất lượng, mức độ an toàn thực phẩm của cà rốt thành phẩm, ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, phát triển sản

xuất cà rốt đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu của huyện Cẩm Giàng vẫn còn gặp nhiều khó khăn như mẫu mã chất lượng sản phẩm chưa đồng đều, khó cạnh tranh được với cà rốt Trung Quốc, người nông dân sản xuất không đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (mẫu mã, chất lượng không đồng đều, nhiều mẫu cà rốt bị phát hiện dư lượng thuốc bảo vệ thực vật,...). Năm 2020, một công ty xuất cà rốt đi Nhật Bản đã bị trả về do dư lượng Hexaconazole vượt ngưỡng cho phép (Sở NN&PTNT Hải Dương, 2021). Do vậy, để phát triển sản xuất cà rốt đáp ứng được các tiêu chuẩn xuất khẩu thì người nông dân phải tuân thủ quy định trong quá trình sản xuất để sản phẩm sản xuất ra đạt được các tiêu chuẩn nhất định về mẫu mã sản phẩm, chất lượng sản phẩm,... (Đình Cao Khuê, 2021).

Sản xuất cà rốt nói chung và sản xuất cà rốt xuất khẩu nói riêng có vai trò rất lớn đối với kinh tế nông nghiệp của Hải Dương nói chung và huyện Cẩm Giàng nói riêng. Cây cà rốt được ngành nông nghiệp của Hải Dương coi là 1 trong 8 nông sản chủ lực của tỉnh và được hỗ trợ và định hướng phát triển sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và hướng tới xuất khẩu để mang lại giá trị sản xuất cao cho ngành nông nghiệp. Sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu đã đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ gia đình, giúp phát triển kinh tế hộ. Theo Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng, bình quân sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu giúp cho người nông dân có lợi nhuận đạt khoảng 150-250 triệu đồng/ha, nếu năm nào được mùa và được giá, thu nhập có thể lên tới 350 triệu đồng/ha. Nhờ đem lại hiệu quả kinh tế cao như vậy, nên nhiều hộ gia đình có kinh nghiệm sản xuất, có điều kiện đã tận dụng thuê lại đất của các hộ không có lao động, không có điều kiện sản xuất, không muốn sản xuất cà rốt nữa để mở rộng diện tích sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu để phát triển kinh tế của hộ. Điển hình ở Cẩm Giàng có hộ đã thuê đất để sản xuất với diện tích lên đến 25ha (Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng, 2022).

Từ trước đến nay, có khá nhiều nghiên cứu về hành vi lựa chọn, đặc biệt là lựa chọn của

người nông dân trong các quyết định sản xuất. Trong đó có nghiên cứu của Tô Thế Nguyên & Giang Hoàng Hiệu (2016); Nguyễn Thị Dương Nga & cs. (2021) nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sản xuất rau an toàn; hoặc Nguyễn Thị Mai (2021) nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ của người nông dân. Chúng tôi nhận thấy các nghiên cứu liên quan đến đánh giá hành vi và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của các hộ nông dân là khá khan hiếm. Mục tiêu nghiên cứu của bài viết là làm rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của người nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, từ đó đề xuất một số giải pháp trong việc khuyến khích người dân trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu trên địa bàn huyện.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu thứ cấp về tình hình sản xuất và xuất khẩu cà rốt của huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thu thập từ các báo cáo của UBND huyện, Chi cục Thống kê, Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng, cũng như số liệu từ Sở NN&PTNT Hải Dương. Đối với số liệu sơ cấp, tác giả tiến hành lựa chọn 02 xã trồng cà rốt của huyện Cẩm Giàng là xã Đức Chính và xã Cẩm Văn. Đây là hai xã sản xuất cà rốt trọng điểm của huyện với tổng diện tích trồng cà rốt chiếm hơn 90% tổng diện tích của cả huyện (các xã khác chủ yếu sản xuất cà rốt nhỏ lẻ, manh mún và tự phát) (Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng, 2022). Theo số liệu của Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng (2022) tại 02 xã Đức Chính và Cẩm Văn có hơn 1.700 hộ trồng cà rốt, trong đó có khoảng 56% số hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu và 44% số hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu, do vậy tác giả tiến hành lựa chọn điều tra, khảo sát ngẫu nhiên 5% số hộ trồng cà rốt tại 02 xã đã chọn. Để làm tròn số lượng phiếu khảo sát nên tổng số phiếu khảo sát là 87 hộ trồng cà rốt trong đó là 49 hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu và 38 hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu.

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Các phương pháp thống kê mô tả, so sánh được dùng để phân tích số liệu. Ngoài ra, nghiên cứu này sử dụng hàm hồi quy logit để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của các hộ nông dân để làm căn cứ đề xuất giải pháp nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu (sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân phải đáp ứng tiêu chuẩn cụ thể như áp dụng quy trình sản xuất cụ thể (VietGAP, GlobalGAP) và có chứng nhận an toàn trong sản xuất rau, đảm bảo các tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc xuất xứ, có mã số vùng trồng, đảm bảo tiêu chuẩn về mẫu mã sản phẩm, kích cỡ sản phẩm và được lấy mẫu để xác định tồn dư về hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm). Hàm hồi quy logit là hàm giả thiết có phân phối xác suất logistic và được sử dụng nhiều trong lĩnh vực kinh tế xã hội và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định của hộ nông dân (Khandker & cs., 2010; Nguyễn Thị Dương Nga & cs., 2021). Mô hình hàm logit có dạng:

$$Y(Z) = \frac{e^Z}{1 + e^Z}$$

Với $Z = b_0 + b_1 \times \text{TuoiCH} + b_2 \times \text{TĐHV} + b_3 \times \text{DT} + b_4 \times \text{SLĐ} + b_5 \times \text{GTCH} + b_6 \times \text{THUAN} + b_7 \times \text{TGHXTX} + b_8 \times \text{MMTT} + u_i$

Trong đó:

$Y(Z)$ thể hiện cho quyết định của hộ với $Y = 1$ hộ quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu và $Y = 0$ hộ quyết định sản xuất cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu (trong nghiên cứu này tác giả chỉ nghiên cứu đến quyết định sản xuất cà rốt theo các tiêu chuẩn xuất khẩu. Nếu hộ sản xuất theo tiêu chuẩn xuất khẩu nhưng lại bán trong nước thì vẫn tính là hộ sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu.

$b_0, b_1, b_2, \dots, b_n$ là hệ số của các biến tương ứng

Các biến độc lập như ở bảng 4:

- TuoiCH (là biến thể hiện tuổi của chủ hộ)
- TĐHV thể hiện số năm đi học của chủ hộ (nếu chủ hộ học trung cấp số năm đi học là 14, cao đẳng là 15, đại học là 16,...)

- DT là diện tích trồng cà rốt của hộ (m^2)

- SLĐ là số lao động của hộ

- GTCH là giới tính của chủ hộ (GTCH = 1 nếu chủ hộ là nam; GTCH = 0 nếu không phải là nam)

- THUAN là biến hộ đã được tham gia tập huấn về sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu (THUAN = 1 nếu đã được tham gia tập huấn; THUAN = 0 nếu chưa được tham gia tập huấn)

- TGHXTX là biến hộ có tham gia hợp tác xã hay không (TGHXTX = 1 nếu hộ tham gia vào hợp tác xã; TGHXTX = 0 nếu hộ không tham gia hợp tác xã)

- MMTT là biến mong muốn được tiêu thụ cà rốt của hộ (MMTT = 1 nếu hộ sản xuất cà rốt theo các tiêu chuẩn kỹ thuật để muốn được tiêu thụ tốt hơn, có thu nhập cao hơn; MMTT = 0 nếu không muốn sản xuất cà rốt theo các tiêu chuẩn kỹ thuật).

- u là sai số của mô hình.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tổng quan chung về sản xuất và xuất khẩu cà rốt trên địa bàn huyện Cẩm Giàng

Cây cà rốt được nông dân huyện Cẩm Giàng trồng từ năm 1979 và đã trở thành cây trồng truyền thống, là thế mạnh của huyện Cẩm Giàng. Cây cà rốt được trồng chủ yếu vào vụ đông và được coi là cây trồng vụ đông chủ lực của huyện. Thời gian trồng cà rốt tập trung từ tháng 9-10 và cho thu hoạch từ trung tuần tháng 1 đến tháng 4 năm sau (tập trung thu trong tháng 2, tháng 3). Theo số liệu ở bảng 1, diện tích trồng cà rốt của huyện tập trung nhiều ở hai xã Đức Chính và Cẩm Văn. Tổng diện tích trồng cà rốt của huyện tính đến hết năm 2022 là gần 600ha với năng suất đạt hơn 50 tấn/ha, sản lượng đạt hơn 30 nghìn tấn.

Cà rốt Cẩm Giàng được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể từ năm 2008, cấp lại năm 2018, đạt thương hiệu Vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2017. Trong những năm gần đây, Sở NN&PTNT Hải

Dương, chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh hướng dẫn người nông dân trồng cà rốt của tỉnh và nhất là huyện Cẩm Giàng trồng cà rốt theo quy trình VietGAP, GlobalGAP để hướng đến xuất khẩu. Năm 2022, tỉnh có cơ chế hỗ trợ cho các vùng trồng cà rốt theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Các vùng này được hỗ trợ một phần kinh phí thuốc bảo vệ thực vật và tư vấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận. Nhờ những kết quả đó, cà rốt của tỉnh Hải Dương nói chung và của huyện Cẩm Giàng nói riêng là 1 trong 8 nông sản chủ lực của tỉnh Hải Dương. Nhận thức được tầm quan trọng của cây cà rốt nên ngày 15/02/2022 UBND tỉnh Hải Dương đã tổ chức lễ hội thu hoạch cà rốt năm 2022 tại xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng. Việc tổ chức lễ hội này với mục tiêu quảng bá, giới thiệu sản phẩm cà rốt, để nông sản chủ lực của tỉnh vươn

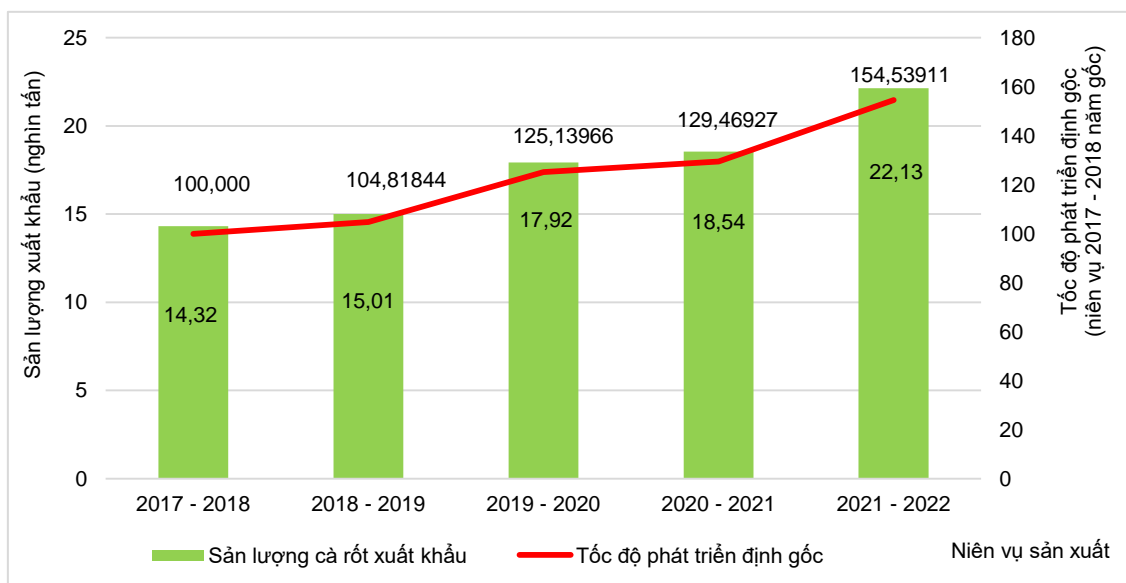
tầm quốc tế và để kích cầu tiêu thụ cà rốt trong nước và xuất khẩu.

Huyện Cẩm Giàng đã đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho vùng chuyên canh như hệ thống kênh mương, đường giao thông nội đồng và hệ thống tưới tiết kiệm tiên tiến trong sản xuất trị giá khoảng 30 tỷ đồng. Ngoài ra, để bảo quản sản phẩm sau khi thu hoạch, huyện đã tận dụng nguồn vốn vay ODA để hỗ trợ cho các hộ thu mua đầu tư kho lạnh để bảo quản sản phẩm. Sản phẩm cà rốt sau khi thu hoạch sẽ được thu mua, sơ chế lại bởi các xưởng sản xuất đóng trên địa bàn huyện, cũng như tỉnh Hải Dương để phục vụ xuất khẩu sang các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Trung Đông, EU... (Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng, 2023).

Bảng 1. Diện tích, năng suất và sản lượng cà rốt sản xuất trên địa bàn huyện Cẩm Giàng

Chỉ tiêu	ĐVT	Niên vụ					TĐPT BQ (%)
		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021- 2022	
Tổng diện tích trồng cà rốt	ha	483	498	519	551	587	105,00
Năng suất	tấn/ha	49,13	49,47	50,84	49,35	52,25	101,55
Sản lượng	tấn	23.730	24.635	26.385	27.190	30.670	106,62

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng (2022); Chi cục Thống kê huyện Cẩm Giàng (2022).



Nguồn: Tính toán từ số liệu Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng (2022).

Hình 1. Sản lượng và tốc độ phát triển cà rốt xuất khẩu của huyện Cẩm Giàng

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Theo Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng, trong niên vụ 2021-2022 toàn huyện đã xuất khẩu hơn 22 nghìn tấn (chiếm khoảng 72% sản lượng cà rốt sản xuất ra) (Hình 1). Các thị trường đòi hỏi chất lượng sản phẩm không cao như Tây Á, Trung Đông, Malaysia chiếm khoảng 70% tổng sản lượng cà rốt xuất khẩu của huyện Cẩm Giàng, trong khi đó các thị trường mới với nhu cầu lớn nhưng yêu cầu về chất lượng cao hơn như Hàn Quốc, Nhật Bản và EU thì cà rốt của Cẩm Giàng chưa xuất khẩu được nhiều. Giai đoạn đầu năm 2020, 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên sản lượng cà rốt xuất khẩu của huyện trong niên vụ 2019-2020 và 2020-2021 có mức độ tăng trưởng không cao. Nhưng từ đầu năm 2022 do Việt Nam mở cửa trở lại và nhiều thị trường quốc tế đã mở cửa, cộng thêm Trung Quốc vẫn giữ nguyên chiến lược “Zero Covid” nên vẫn đóng cửa thị trường nên đã giúp cho cà rốt của Việt Nam nói chung và của Cẩm Giàng nói riêng tăng sức cạnh tranh và có tốc độ tăng trưởng về xuất khẩu đáng kinh ngạc (so về mẫu mã, chất lượng thì cà rốt Việt Nam khó cạnh tranh được với cà rốt Trung Quốc, khi Trung Quốc mở cửa sẽ gây ra nhiều khó khăn cho cà rốt của Việt Nam) (Sở NN&PTNT tỉnh Hải Dương, 2022).

3.2. Thực trạng phát triển sản xuất cà rốt của các hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng

Theo kết quả điều tra cho thấy, hiện nay đối với nhóm hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn

xuất khẩu thì chủ hộ có độ tuổi trẻ hơn khá nhiều so với nhóm hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu, nhưng độ tuổi bình quân của nông dân sản xuất cà rốt ở Cẩm Giàng vẫn là khá cao (gần 50 tuổi), khá phù hợp với xu thế hiện nay là ở nông thôn chủ yếu chỉ còn lao động trung niên và già tham gia vào sản xuất nông nghiệp, còn lao động trẻ chủ yếu di cư đến các khu đô thị hoặc tìm việc tại các khu công nghiệp. Với độ tuổi khá cao như vậy nên người lao động cũng có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất cà rốt (gần 15 năm). Các hộ sản xuất cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu có nhiều kinh nghiệm hơn các hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu (Bảng 2).

Huyện đã tổ chức rất nhiều lớp tập huấn kỹ thuật cho người dân trồng cà rốt, nhờ vậy, có hơn 77% người dân được hỏi đã được tập huấn, hướng dẫn về quy trình sản xuất cà rốt để phục vụ xuất khẩu (tỷ lệ các hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu tham gia tập huấn lớn hơn so với các hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu) (Bảng 2).

Theo số liệu ở bảng 2, nhiều hộ nông dân trồng cà rốt ở Cẩm Giàng đi thuê thêm ruộng để trồng cà rốt (diện tích đất đi thuê chiếm gần 70% diện tích trồng cà rốt của hộ). Nhóm hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu có diện tích đất trồng cà rốt (hơn 19 sào) lớn hơn khá nhiều so với các hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu (gần 11 sào). Diện tích đất trồng cà rốt lớn hơn này chủ yếu là đất đi thuê, còn đối với diện tích đất của nhà thì hai nhóm hộ gần tương đương nhau (Bảng 2).

Bảng 2. Thông tin chung về các hộ khảo sát (2023)

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu	Hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu	Tính chung
Số hộ khảo sát	hộ	49	38	87
Tuổi chủ hộ	tuổi	43,08	54,66	48,14
Trình độ học vấn	năm	11,29	8,74	10,17
Kinh nghiệm trồng cà rốt	năm	12,10	18,34	14,83
Đã được tập huấn sản xuất cà rốt theo quy trình để phục vụ xuất khẩu	%	87,76	63,16	77,01
Diện tích đất trồng cà rốt	sào*	19,25	10,79	15,55
Diện tích của nhà	sào	5,37	4,63	5,05
Diện tích đất đi thuê	sào	13,88	6,16	10,51

Ghi chú: *: 1 sào bằng 360m²

Về năng suất và giá bán bình quân thì hộ sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu cao hơn khá nhiều so với hộ sản xuất cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu (Bảng 3). Tuy nhiên, giá bán cà rốt của cả hai nhóm hộ đều biến động nhiều theo nhu cầu của thị trường. Điển hình như niên vụ cà rốt năm 2021-2022, giá thu mua cà rốt khá cao, dao động từ 7.000-15.000 đồng/kg (Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng, 2022); tuy nhiên sang niên vụ năm 2022-2023 thì giá cà rốt thu mua của các hộ nông dân thấp hơn khá nhiều (dao động từ 4.000-8.000 đồng/kg). Nguyên nhân chủ yếu là do trong niên vụ năm 2022-2023, cà rốt Việt Nam chịu cạnh tranh rất nhiều từ cà rốt của Trung Quốc, cùng với đó từ tháng 10/2022 thì Hàn Quốc có lệnh cấm nhập khẩu các sản phẩm cây lấy củ (phía Hàn Quốc phát hiện tuyến trùng *Radopholus similis* trong mặt hàng củ chuối (thân thật của chuối) xuất sang Hàn Quốc) (Kim Ngân, 2022). Hàn Quốc là thị trường tiêu thụ 80% cà rốt củ to nên việc xuất khẩu cà rốt của huyện Cẩm Giàng gặp nhiều khó khăn, từ đó đẩy giá thu mua cà rốt thương phẩm xuống thấp. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Hàn Quốc đã tháo bỏ lệnh cấm nhập khẩu các sản phẩm rau lấy củ nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho cây cà rốt của huyện Cẩm Giàng xuất khẩu (Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng, 2023).

Giá trị sản xuất tính bình quân một sào của thì đối với nhóm hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu có giá trị sản xuất cao hơn khá nhiều so với hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Nguyên nhân chủ yếu là đối với nhóm hộ trồng theo tiêu chuẩn xuất khẩu do áp dụng đúng và đầy đủ các quy trình trồng cà rốt tiên tiến nên sản phẩm cà rốt thu hoạch thường củ to hơn, mẫu mã đẹp hơn nên có thể bán được với giá cao hơn so với các hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Việc sản xuất với quy mô lớn, tận dụng được lợi thế quy mô, nên dù có áp dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn xuất khẩu thì bình quân chi phí sản xuất (hơn 4,4 triệu đồng/sào) vẫn thấp hơn so với các hộ trồng không theo tiêu chuẩn xuất khẩu (hơn 4,5 triệu đồng/sào). Nguyên nhân chủ yếu là đối với nhóm hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu tuy tốn công lao động hơn trong việc chăm

sóc cà rốt, nhưng đến khi thu hoạch họ thường bán cả ruộng cho các xưởng sơ chế, doanh nghiệp hoặc thương lái (nên không mất thêm tiền thuê lao động thu hoạch); còn đối với các hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu thì thường mất thêm công thu hoạch, sau đó mới bán cho thương lái (nên chi phí về tiền lao động và tổng chi phí sản xuất bình quân vẫn cao hơn nhóm hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu).

Thu nhập bình quân 1 sào cà rốt ở nhóm hộ trồng theo tiêu chuẩn xuất khẩu là gần 8,5 triệu đồng/sào; hơn 4,6 triệu đồng/sào so với nhóm hộ trồng không theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Theo quy mô sản xuất của các nhóm hộ (Bảng 1) thì bình quân một hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu sẽ đạt hơn 160 triệu đồng/vụ; đối với nhóm hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu sẽ đạt hơn gần 50 triệu đồng/vụ. So sánh hiệu quả sử dụng chi phí sản xuất để tạo ra giá trị sản xuất và thu nhập của các hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu cũng cao hơn khá nhiều so với các hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu (Bảng 3).

3.3. Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của các hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng

Trước khi chạy mô hình, tác giả đã chạy ma trận hệ số tương quan của các biến độc lập cho thấy các biến độc lập không có sự tương quan nhiều (ngoại trừ biến tuổi chủ hộ và số năm đi học (TDHV) là có tương quan trung bình (-0,46), tuy nhiên vẫn ở dưới mức cho phép (< 0,5); còn lại các biến khác có tương quan độc lập giữa các cặp biến khá yếu (dưới 0,3) (Phạm Thị Tuyết Trinh, 2016).

Theo số liệu ở bảng 4, các hộ khảo sát có độ tuổi là trung niên với độ tuổi trung bình là hơn 48 tuổi và có số năm đi học trung bình khoảng 10 năm (cao nhất là học hết cao đẳng), diện tích sản xuất cà rốt có sự biến động rất lớn vì có hộ chỉ có diện tích khoảng 3 sào (1.000m²), nhưng có hộ sản xuất lớn với quy mô khoảng 3ha (30.000m²). Đa số các hộ đều được tập huấn về sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu, nhưng số lượng hộ khảo sát tham gia vào các hợp tác xã là chưa cao.

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Kết quả mô hình ước lượng logit cho thấy mô hình dự báo chính xác khoảng 85% số hộ sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu và khoảng 89% số hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Mô hình xây dựng phù hợp với số liệu tại

vùng nghiên cứu. Cùng với đó, các giá trị kiểm định như LR χ^2 (Kiểm định Log likelihood ratio) có ý nghĩa thống kê (các biến đưa vào mô hình là phù hợp). Độ chặt chẽ của mô hình là phù hợp với Hệ số xác định $R^2(0,60)$ (Bảng 5).

Bảng 3. Một số chỉ tiêu thể hiện kết quả và hiệu quả trong sản xuất cà rốt của hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng niên vụ 2022-2023 (tính bình quân 1 sào bắc bộ (360m²))

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu	Hộ trồng cà rốt không theo tiêu chuẩn xuất khẩu	Tính chung
Năng suất bình quân	kg	2.285,31	1.913,74	2.123,01
Giá bán bình quân	nghìn đồng/kg	5,65	4,81	5,32
Giá trị sản xuất (GO)	nghìn đồng	12.914,35	9.202,66	11.293,15
Tổng chi phí sản xuất (TC)	nghìn đồng	4.426,37	4.563,08	4.486,08
Các chi phí bỏ ra bằng tiền	nghìn đồng	2.716,94	2.550,47	2.644,23
Làm đất	nghìn đồng	298,37	322,95	309,10
Giống	nghìn đồng	601,43	629,74	613,79
Phân bón	nghìn đồng	501,02	512,11	505,86
Thuốc bảo vệ thực vật	nghìn đồng	266,94	323,34	291,57
Chi phí thuê đất	nghìn đồng	931,02	559,97	768,95
Chi phí khác	nghìn đồng	118,16	202,37	154,94
Chi phí khấu hao, phân bổ	nghìn đồng	140,20	109,74	126,90
Chi phí lao động quy ra tiền	nghìn đồng	1.569,22	1.902,87	1.714,95
Thu nhập (TPr)	nghìn đồng	8.487,98	4.639,58	6.807,07
Một số chỉ tiêu hiệu quả				
GO/TC	lần	2,92	2,02	2,52
TPr/TC	lần	1,92	1,02	1,52

Ghi chú: Niên vụ 2022-2023 chưa kết thúc nên số liệu chỉ tính đến thời điểm 18/02/2023.

Bảng 4. Thống kê mô tả các biến đưa vào mô hình (2023)

Tên biến	Định nghĩa biến	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Min	Max
TuoiCH	Tuổi chủ hộ (năm)	48,14	8,95	30	67
TĐHV*	Số năm đi học của chủ hộ (năm)	10,17	2,14	6	15
DT	Diện tích trồng cà rốt (m ²)	5.549,54	4.349,01	1.000	30.000
SLD	Số lao động tham gia sản xuất cà rốt (lao động)	2,30	0,61	1	4
GTCH	Giới tính chủ hộ (1 = chủ hộ là nam)	0,64	0,48	0	1
THUAN	Tham gia tập huấn (1= đã được tập huấn)	0,77	0,42	0	1
TGHTX	Tham gia hợp tác xã (1 = có tham gia vào hợp tác xã)	0,30	0,46	0	1
MMTT	Mong muốn tiêu thụ sản phẩm tốt hơn (1 = mong muốn tiêu thụ sản phẩm tốt hơn)	0,46	0,50	0	1

Ghi chú: * TĐHV của chủ hộ tính bằng số năm đi học (nếu học trung cấp là 14 năm, cao đẳng 15, đại học 16 năm,...)

Bảng 5. Kết quả hồi quy mô hình logit

Biến	Giá trị ước lượng	Sai số chuẩn hệ số mô hình	Hệ số ảnh hưởng biên	Sai số chuẩn hệ số ảnh hưởng biên
Hệ số tự do	-0,8847 ^{ns}	4,6555		
TuoiCH	-0,1913 ^{***}	0,0633	-0,0397 ^{***}	-0,0148
TĐHV	0,4791 [*]	0,2723	0,0993 [*]	0,0546
DT	0,0004 [*]	0,0002	0,0001 ^{**}	0,0000
SLD	0,3472 ^{ns}	0,5559	0,0720 ^{ns}	0,1152
GTCH	0,1000 ^{ns}	0,8145	0,0208 ^{ns}	0,1709
THUAN	2,9536 ^{**}	1,2795	0,6276 ^{***}	0,1990
TGHTX	0,2720 ^{ns}	0,8463	0,0550 ^{ns}	0,1669
MMTT	1,7522 [*]	0,9370	0,3429 [*]	0,1667
Number of obs (Số quan sát)	87			
Log likelihood (Giá trị Log likelihood)	-23,7123			
LR chi ² (Kiểm định Log likelihood ratio)	71,79			
Prob > chi ² (Xác suất kiểm định Log likelihood ratio)	0,0000			
Pseudo R ² (Hệ số xác định R ²)	0,6022			

Ghi chú: *, ** và *** có ý nghĩa thống kê tương ứng tại mức 10, 5 và 1%; ns không có ý nghĩa thống kê

Dựa trên kết quả ước lượng mô hình chỉ ra rằng tuổi chủ hộ có tác động ngược chiều tới quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ. Quan sát thực tế cho thấy, những hộ mà chủ hộ cao tuổi thường sản xuất chủ yếu theo kinh nghiệm nên họ ngại thay đổi quy trình sản xuất để sản xuất theo tiêu chuẩn xuất khẩu hơn đối với nhóm hộ mà chủ hộ có tuổi trẻ hơn (dựa vào hệ số của biến tuổi chủ hộ).

Các biến như trình độ học vấn của chủ hộ; diện tích đất sản xuất cà rốt; đã được tham gia tập huấn sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu; mong muốn tiêu thụ cà rốt dễ hơn đều dương và có ý nghĩa thống kê, điều này cho thấy các biến này có tác động cùng chiều với việc hộ quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Kết quả chạy mô hình logit cho thấy khi tuổi của chủ hộ tăng thêm 1 tuổi thì khả năng các hộ sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu sẽ giảm khoảng 4%; tương tự khi số năm đi học của chủ hộ tăng thêm 1 năm thì khả năng hộ sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu sẽ tăng gần 9%; khi hộ được tham gia tập huấn về sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu thì khả năng hộ sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu sẽ tăng lên gần 63% so với các hộ

không được tham gia tập huấn; hoặc mong muốn của hộ khi sản xuất theo các tiêu chuẩn kỹ thuật để có thể tiêu thụ tốt hơn, dễ dàng hơn, thu nhập được cao hơn thì xác suất sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn của hộ tăng khoảng 34% so với các hộ khác.

Hệ số của biến trình độ học vấn trong nghiên cứu này ngược với kết quả của Nguyễn Thị Dương Nga & cs. (2021) và Supapunt & cs. (2021) vì ở các nghiên cứu này khi trình độ học vấn của chủ hộ cao hơn thì họ thường lựa chọn các nghề phi nông nghiệp hơn là sản xuất cà rốt, còn đối với các hộ trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu ở Cẩm Giàng thì họ chọn cà rốt là nghề chính tạo ra thu nhập cho hộ. Hệ số của biến tổng diện tích trồng cà rốt phù hợp với các nghiên cứu của Nguyễn Thị Dương Nga & cs. (2021); Ying & cs. (2016) (các hộ có diện tích lớn (cả đi thuê) đều mong muốn tiêu thụ sản phẩm với giá cao và coi sản xuất cà rốt là nguồn tạo ra thu nhập chính của hộ). Hệ số của biến tập huấn và được hướng dẫn quy trình sản xuất cà rốt xuất khẩu là dương - điều này có ý nghĩa là khi các hộ được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về quy trình sản xuất cà rốt xuất khẩu thì có xác suất trồng cà rốt xuất khẩu cao hơn (tương

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

tự như nghiên cứu của Nguyễn Thị Dương Nga & cs. (2021) và Tô Thế Nguyên & Giang Hoàng Hiệu (2016) đều chỉ ra các hộ được tập huấn thì sẽ có xác suất sản xuất rau an toàn và rau hữu cơ cao hơn nhóm hộ chưa được tập huấn). Hệ số của biến mong muốn tiêu thụ tốt hơn có dấu dương - có nghĩa là khi các hộ có mong muốn tiêu thụ sản phẩm tốt hơn thì hộ sẽ áp dụng các quy trình kỹ thuật sản xuất tiên tiến để kỳ vọng sẽ bán được sản phẩm với giá cao hơn (tương tự như nghiên cứu của Nguyễn Thị Dương Nga & cs. (2021)). Hệ số và hệ số ảnh hưởng biên của biến tập huấn kỹ thuật có giá trị lớn nhất, điều này thể hiện biến này có tác động mạnh đến việc thay đổi quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu ở huyện Cẩm Giàng.

Các biến như tổng số lao động của hộ; giới tính của chủ hộ, tham gia vào hợp tác xã tuy không có ý nghĩa thống kê nhưng đều mang dấu dương nên chưa thể kết luận các biến này có ảnh hưởng đến việc quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu.

3.4. Giải pháp khuyến khích hộ nông dân trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương

Dựa trên kết quả phân tích mô hình logit các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, tác giả đề xuất một số giải pháp khuyến khích hộ nông dân trồng cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu như sau:

- *Thứ nhất*, chính quyền địa phương cần tăng cường tập huấn, phổ biến và hỗ trợ cho người nông dân về quy trình kỹ thuật, quy trình sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu để người dân có thể nắm được và thực hiện trồng cà rốt theo quy trình, kỹ thuật và tạo ra sản phẩm cà rốt đáp ứng được yêu cầu xuất khẩu.

- *Thứ hai*, ngành nông nghiệp của địa phương cần tích cực hơn nữa trong việc tuyên truyền về lợi ích của sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu vừa giúp nâng cao hiệu quả kinh tế, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, từ đó tạo

ra các kênh tiêu thụ sản phẩm hiệu quả, giúp cho người nông dân tiêu thụ sản phẩm tốt hơn, từ đó nâng cao thu nhập cho người nông dân.

- *Thứ ba*, người nông dân cũng cần nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn để nhận thức tốt hơn về vai trò của sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu. Cùng với đó, cần có các chính sách để thu hút lao động có trình độ cao, lao động trẻ tuổi tham gia vào sản xuất cà rốt trên địa bàn huyện.

Thứ tư, cần thực hiện tốt các chính sách về đất đai như xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển cà rốt xuất khẩu, thực hiện tốt chính sách về đất đai để khuyến khích người nông dân tích tụ ruộng đất, thuê lại ruộng đất để có thể sản xuất cà rốt tập trung, quy mô lớn để hướng tới xuất khẩu.

4. KẾT LUẬN

Hiện nay sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu ở huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đã được khá nhiều hộ nông dân áp dụng và sản lượng cà rốt sản xuất ra xuất khẩu cũng khá lớn (khoảng 70% sản lượng). Dựa trên mô hình logit cho thấy hệ số và hệ số ảnh hưởng biên của các biến như tập huấn quy trình sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu, trình độ học vấn của chủ hộ, diện tích trồng cà rốt của hộ và mong muốn tiêu thụ sản phẩm tốt hơn đều có ảnh hưởng dương và có ảnh hưởng tích cực đến quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân, hệ số của biến tuổi chủ hộ là âm nên có ảnh hưởng ngược chiều đến quyết định sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu của hộ nông dân trên địa bàn huyện Cẩm Giàng. Dựa vào kết quả mô hình, tác giả đề xuất 04 giải pháp để khuyến khích người nông dân sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu như: tăng cường tập huấn và hỗ trợ cho người nông dân về quy trình sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu; tăng cường tuyên truyền về vai trò sản xuất cà rốt theo tiêu chuẩn xuất khẩu cho người nông dân; người nông dân cần nâng cao trình độ chuyên môn, học vấn và nhận thức về sản xuất cà rốt theo

tiêu chuẩn xuất khẩu; có các chính sách thu hút lao động trẻ và khuyến khích lao động có trình độ cao tham gia vào sản xuất cà rốt; thực hiện tốt việc quy hoạch và các chính sách về đất đai để người dân có thể thuê đất, tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất cà rốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chi cục Thống kê huyện Cẩm Giàng (2022). Số liệu thống kê sản xuất và xuất khẩu cà rốt huyện Cẩm Giàng, Hải Dương.

Đinh Cao Khuê (2021). Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

Khandker, Shahidur R., Gayatri B. Koolwal & Hussain A. Samad (2010). Cẩm nang đánh giá tác động: Các phương pháp định lượng và thực hành. Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế, Ngân hàng thế giới tại Việt Nam (World Bank in Vietnam), Hà Nội.

Kim Ngân (2022). 'Thủ phủ' cà rốt Hải Dương chao đảo từ một lệnh cấm nhập khẩu. Truy cập từ <https://thuonghieusanpham.vn/thu-phu-ca-rot-hai-duong-chao-dao-tu-mot-lenh-cam-nhap-khau-47116.html> ngày 23/05/2023.

Nguyễn Thị Dương Nga, Dương Nam Hà, Phạm Văn Hùng, Hoàng Văn Nghĩa & Phạm Thị Tô Diệu (2021). Yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sản xuất rau an toàn của hộ nông dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tạp chí Kinh tế & Phát triển. 291(2): 148-157.

Nguyễn Thị Mai (2021). Các yếu tố ảnh hưởng tới ý định chấp nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ của người nông dân-nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Phạm Thị Tuyết Trinh (2016). Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh tế và tài chính. Nhà xuất bản Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng (2022). Số liệu thống kê về diện tích, năng suất và sản lượng cây cà rốt của huyện. Hải Dương.

Phòng NN&PTNT huyện Cẩm Giàng (2023). Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp của huyện 3 tháng đầu năm 2023. Hải Dương.

Sở NN&PTNT Hải Dương (2021). Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hải Dương năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021. Hải Dương.

Sở NN&PTNT Hải Dương (2022). Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hải Dương năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022. Hải Dương.

Supapunt P., Intanu P. & Chaikampun K. (2021). Factors affecting farmers' adoption of good agricultural practice in vegetable production in the upper North of Thailand. International Journal of Agricultural Technology. 17(1): 349-362.

Tô Thế Nguyên & Giang Hoàng Hiệu (2016). Phân tích quyết định về lựa chọn sản xuất rau an toàn: trường hợp của các hộ nông dân xã Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội. Tạp chí Kinh tế & Phát triển. 229(II): 75-82.

Vũ Quỳnh & Vũ Trang (2022). Cẩm Giàng mở rộng vùng rau xuất khẩu. Truy cập từ <https://baohaiduong.vn/nong-nghiep---nong-thon/cam-giang-mo-rong-vung-rau-xuat-khau-192539> ngày 15/02/2023.